

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc chấp thuận cho doanh nghiệp kiểm toán và
kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích
công chúng năm 2020**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29/3/2011;

Căn cứ Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kiểm toán độc lập;

Căn cứ Nghị định số 151/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định 84/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về tiêu chuẩn, điều kiện đối với kiểm toán viên hành nghề, tổ chức kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng;

Căn cứ Thông tư số 183/2013/TT-BTC ngày 04/12/2013 của Bộ Tài chính về kiểm toán độc lập đối với đơn vị có lợi ích công chúng;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận cho 37 doanh nghiệp kiểm toán và 851 kiểm toán viên hành nghề có tên trong danh sách kèm theo được thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng quy định tại Khoản 3 Điều 4 Nghị định 84/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về tiêu chuẩn, điều kiện đối với kiểm toán viên hành nghề, tổ chức kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng trong năm 2020 kể từ ngày 01/01/2020 đến hết ngày 31/12/2020.

Điều 2. Các doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được chấp thuận có trách nhiệm tuân thủ đúng các quy định về kiểm toán đơn vị có lợi ích công chúng theo quy định tại Nghị định 84/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về tiêu chuẩn, điều kiện đối với kiểm toán viên hành nghề, tổ chức kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng và Thông tư số 183/2013/TT-BTC ngày 04/12/2013 của Bộ Tài chính về kiểm toán độc lập đối với đơn vị có lợi ích công chúng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán, các doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề nêu tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *kur*

- Như Điều 1;
- Lãnh đạo Bộ (để báo cáo);
- Vụ Pháp chế;
- UBCKNN;
- Lưu: VT, Cục QLKT (45).

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ
GIÁM SÁT KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Lê Thị Tuyết Nhung

DANH SÁCH TỔ CHỨC KIỂM TOÁN ĐƯỢC CHẤP THUẬN
THỰC HIỆN KIỂM TOÁN CHO ĐƠN VỊ CÓ LỢI ÍCH CÔNG CHỨNG NĂM 2020
(Kèm theo Quyết định số 2358/QĐ-BTC ngày 13/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Một số điểm lưu ý:

1- Tổ chức kiểm toán có tên trong danh sách này được thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chứng quy định tại khoản 3 Điều 4 của Nghị định số 84/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.

2- Danh sách này có thể thay đổi, đề nghị tra cứu trên website: **www.mof.gov.vn**

STT	Tên tổ chức kiểm toán	Tên viết tắt	Địa chỉ trụ sở
31	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam	AASCS Co., Ltd	Số 29 Võ Thị Sáu ,Phường ĐaKao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh



**DANH SÁCH KIỂM TOÁN VIÊN ĐƯỢC CHẤP THUẬN
THỰC HIỆN KIỂM TOÁN CHO ĐƠN VỊ CÓ LỢI ÍCH CÔNG CHỨNG NĂM 2020**
(Kèm theo Quyết định số 2358/QĐ-BTC ngày 13/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Một số điểm lưu ý:

1- Kiểm toán viên có tên trong danh sách này được thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chứng quy định tại khoản 3 Điều 4 của Nghị định số 84/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.

2- Danh sách này có thể thay đổi, đề nghị tra cứu trên website: **www.mof.gov.vn**

SL KTV	Tên kiểm toán viên	Giới tính	Năm sinh	Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Ngày cấp	Thời hạn Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán		Thời hạn thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng	
						Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc
31. Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam (#142)									
1	Tạ Quang Tạo	Nam	1946	0055-2018-142-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2020	31/12/2020
2	Phùng Ngọc Toàn	Nam	1971	0335-2018-142-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2020	31/12/2020
3	Lê Kim Ngọc	Nữ	1958	0181-2018-142-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2020	31/12/2020
4	Đinh Thế Đường	Nam	1964	0342-2018-142-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2020	31/12/2020
5	Lê Văn Tuấn	Nam	1961	0479-2018-142-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2020	31/12/2020
6	Dương Thị Quỳnh Hoa	Nữ	1969	0424-2018-142-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2020	31/12/2020
7	Nguyễn Tuấn Đạt	Nam	1981	2669-2018-142-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2020	31/12/2020
8	Nguyễn Thị Tuyết	Nữ	1973	0624-2018-142-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2020	31/12/2020
9	Tạ Quang Long	Nam	1977	0649-2018-142-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2020	31/12/2020
10	Phùng Văn Thắng	Nam	1963	0650-2018-142-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2020	31/12/2020
11	Nguyễn Vũ	Nam	1976	0699-2018-142-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2020	31/12/2020
12	Dương Nguyên Thuý Mai	Nữ	1960	0848-2018-142-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2020	31/12/2020
13	Võ Thị Mỹ Hương	Nữ	1972	0858-2018-142-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2020	31/12/2020
14	Nguyễn Thị Mỹ Ngọc	Nữ	1978	1091-2018-142-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2020	31/12/2020
15	Đàm Minh Thúy	Nữ	1980	1547-2018-142-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2020	31/12/2020
16	Trần Nguyễn Hoàng Mai	Nữ	1981	1755-2018-142-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2020	31/12/2020

SL KTV	Tên kiểm toán viên	Giới tính	Năm sinh	Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Ngày cấp	Thời hạn Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán		Thời hạn thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng	
						Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc
17	Chu Thế Bình	Nam	1978	1858-2018-142-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2020	31/12/2020
18	Đỗ Khắc Thanh	Nam	1961	0064-2018-142-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2020	31/12/2020
19	Lê Văn Thắng	Nam	1974	0974-2018-142-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2020	31/12/2020
20	Lê Thị Hoài An	Nữ	1988	3519-2017-142-1	31/5/2017	31/5/2017	31/12/2021	01/01/2020	31/12/2020
21	Lưu Vinh Khoa	Nam	1963	0166-2018-142-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2020	31/12/2020
22	Nguyễn Thị Thảo	Nữ	1986	2626-2018-142-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2020	31/12/2020
23	Đặng Tùng Hưng	Nam	1982	3611-2016-142-1	07/11/2016	07/11/2016	31/12/2020	01/01/2020	31/12/2020